

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC4+RCDM+CLO	7:25	8+9+5	0+0+0		5+8+9	0+0+0	
2		RP3+CI	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
3		TD1+P4+PPD	7:25	6+14+2	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
4		HST+P4+RP1	9:25	6+6+8	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
5		PPD	9:25	22	0		22	0	
6		VSP02+RC5	9:25	14+8	0+0		12+10	0+0	
7		BK3+RP1+VSP02	11:25	2+18+2	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
8		RP3+RC4+RCDM	11:25	21+0+1	0+0+0		17+3+4	0+0+0	
9		RC8+RP3	13:25	8+13	0+0		6+16	0+0	
10		VSP02	13:25	21	0		22	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Đi về trong ngày RC4-3 ng, RCDM-4ng



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: RC4 - RCDM - CLO	CREW: TUYỀN - N.ANH - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MISHIN A	RC4	94	1	4		116	D-HANH	Russian
2	NGUYỄN ANH TUẤN	RC4	86	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	TARGANOV G	RC4					91	ANTOAN	Russian
4	TRẦN MINH THI	RC4	87	1	7		108	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU TOÀN	RC4	90-91	2	7		74	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG TRUNG HIẾU	RC4	88-89	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	93	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN CAO MONG	RC4	92	1	7		56	PSV	Vietnamese
9	ĐINH TRUNG KIẾN	RCDM				15	75	D-HANH	Vietnamese
10	PHAN THỊ HỒNG VÂN	RCDM					50	D-HANH	Vietnamese
11	TRẦN ĐẮC BÌNH	RCDM					95	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG ANH	RCDM					70	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TIỀN HUY	RCDM	84	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG HỮU SƠN	RCDM	82	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN BUI NAM	RCDM	83	1	5		93	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU TIỀN BÌNH	RCDM	85-87	3	13		68	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH MINH TRI	RCDM	81	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG TUYỀN	CLO	51	1	6	20	70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÂN	CLO					85	KH-THAC	Vietnamese
20	TU TUÂN TU	CLO	48	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LÃ	CLO					70	KH-THAC	Vietnamese
22	KIỆU MINH QUYẾT	CLO	50	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	8	9	52	655	0	5		
2	RCDM	9	7	39	657	15	8		
3	CLO	5	3	19	375	20	9		
TOTAL		22	19	110	1.687	35	22		
WEIGHT KG				110	1.687	35			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/07/2023	TO: RP3 - CLI	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: RP3-CL	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - PTUAN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRUNG KIEN	RP3	19	1	13		82	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG VAN PHO	RP3	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN QUOC KHIEM	RP3	05	1	6	70	88	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ANH DONG	RP3	09-10	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LE TRONG LINH	RP3	07	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	DO QUANG TO	RP3	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN SY DIEP	RP3	11	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH TAN NGON	RP3	60	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	DANG CONG THINH	RP3	20	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG CHUNG THUY	RP3	04	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM QUOC CHE	RP3	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PANKRATOV R	RP3	17-18	2	13		90	KHI	Russian
13	NGUYEN XUAN SANG	RP3	13	1	5		60	KHI	Vietnamese
14	TRAN VAN SEN	RP3	03	1	5		71	KHI	Vietnamese
15	LAM TIEN PHI	RP3	15	1	7		85	KHI	Vietnamese
16	PHAM TRUNG DUNG	RP3	22-23	2	10		79	KHI	Vietnamese
17	HO VAN LUONG	RP3	14	1	5		62	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	12	1	10		76	KHI	Vietnamese
19	LE XUAN VIET	RP3					77	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CU	RP3	02	1	5		60	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VIET KY	RP3	16	1	5		75	KHI	Vietnamese
22	NGO NGOC HAN	RP3	21	1	7		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

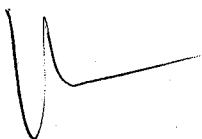
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	24	149	1.621	70	20		
2	CLI	0	0	0	0	50	2		
TOTAL		22	24	149	1.621	120	22		
WEIGHT KG				149	1.621	120			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: TD1-P4	TO: TD1 - P4 - PPD	CREW: VThắng - M.Đức - <i>Đu</i>	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH KHẮC HÙNG	P4				25	68	PVCHEM	Vietnamese
2	ĐINH KHẮC HẢI	P4	39-42	4	42		74	PVCHEM	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC THUẬN	P4	54-55	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN LÊ HUY	P4	47	1	3		70	KHI	Vietnamese
5	PHẠM THÈ TRƯỞNG	P4	46	1	6		75	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	44	1	4		70	KHI	Vietnamese
7	PHẠM TRẠI	P4	43	1	4		65	KHI	Vietnamese
8	TÀ XUÂN HIỆU	P4	53	1	6		65	KHI	Vietnamese
9	BUI ĐĂNG TIỀN	P4	49	1	10		70	KHI	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	45	1	4		80	KHI	Vietnamese
11	PHAN HỒNG TÂM	P4	50-52	3	12		58	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỞNG TUNG	P4	48	1	10		77	DH	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	56	1	5		66	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	57	1	3		71	KHI	Vietnamese
15	GALLIAMOV	PPD	12	1	5	60	72	KH-THAC	Russian
16	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	08	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
17	DO CHUNG KIEN	PPD	07	1	5		60	KHI	Vietnamese
18	KOLESNIK ALEXANDER	PPD	06	1	9		100	KHI	Russian
19	NGUYỄN VĂN TẠ	PPD	05	1	3		69	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	0	0	0	0	10	0		
2	P4	14	19	124	994	25	15		
3	PPD	5	5	31	383	60	7		
TOTAL		19	24	155	1.377	95	22		
WEIGHT KG				155	1.377	95			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: HST-P4	TO: HST - P4 - RP1	CREW: VThắng - M.Đức - Tú	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG TAN DA	HST	45	1	4		85	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN LAM	HST	47	1	6		77	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN DUONG TUAN ANH	HST	48	1	4	22	73	TLJOC	Vietnamese
4	DANG VIET HOANG	HST	51	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DUC QUAN	HST	52	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN MINH	HST	46	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN NAM	P4	64	1	10		69	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	63	1	3		79	KHI	Vietnamese
9	PHAN DINH NHAM	P4	67	1	3		62	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THINH	P4	61	1	6		73	KHI	Vietnamese
11	NHAM DIEN BIEN	P4	60	1	4	35	69	NIPI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NGHI	P4	62	1	6		70	PSV	Vietnamese
13	LE HUY TAM	RP1	13	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
14	QUACH VAN THAO	RP1	18	1	6		72	YTE	Vietnamese
15	TRAN TUAN ANH	RP1	17	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI NGOC LONG	RP1	62	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN BAO TRUNG	RP1	16	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
18	DO VAN THANH	RP1	14	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	LE TRI KHANH	RP1	11	1	5	5	70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NANG	RP1	15	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	6	6	23	451	22	0		
2	P4	6	6	32	422	35	14		
3	RP1	8	8	40	566	5	8		
TOTAL		20	20	95	1.439	62	22		
WEIGHT KG				95	1.439	62			

GRAND TOAL: 1.596 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: PPD	CREW: TUYỀN - N.ANH - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

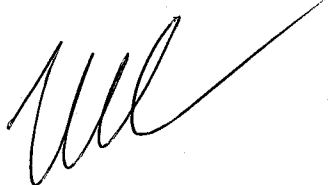
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC SƠN	PPD	602	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	03-04	2	10		81	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TÀI	PPD	39	1	10		70	KHI	Vietnamese
4	PHAN VĂN TÙNG	PPD	07	1	9		84	KHI	Vietnamese
5	VŨ THANH BÌNH	PPD	12	1	4		83	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	13	1	4		85	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	PPD	53	1	6		67	KHI	Vietnamese
8	PHẠM HAI QUANG	PPD	41	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	09	1	5		80	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG HIỀN	PPD	40	1	6	100	56	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	603,10	2	15		87	KHI	Vietnamese
12	ĐO VĂN THANH	PPD	06	1	8		81	KHI	Vietnamese
13	LÊ MINH PHỤNG	PPD	54	1	5		81	KHI	Vietnamese
14	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	11	1	7		67	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HÒA	PPD	42	1	10		70	KHI	Vietnamese
16	BUI THANH	PPD	08	1	5		62	KHI	Vietnamese
17	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	43	1	3		75	KHI	Vietnamese
18	TRẦN MINH THUẬN	PPD	02	1	7		71	PSV	Vietnamese
19	PHAN TÀI DANH	PPD	01	1	6		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

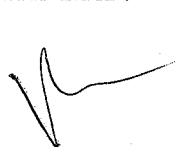
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	21	133	1.409	100	22		
TOTAL		19	21	133	1.409	100	22		
WEIGHT KG				133	1.409	100			

GRAND TOAL: 1.642 KGS

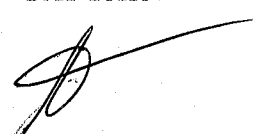
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: VSP02=	TO: VSP02 - RC5	CREW: HUNG - MTHAO - PTUÁN	ETA: 11:44
CAM-2			

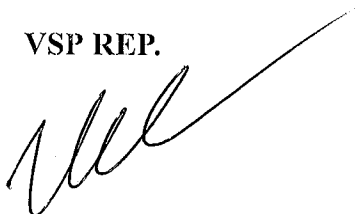
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN DUY	VSP02	50,52	2	10	10	71	YTE	Vietnamese
2	LƯU ĐÌNH LỰC	VSP02	40-41	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	43	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	DUCHENKO	VSP02	45	1	4		130	KH-THAC	Russian
5	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	47	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH THẢO	VSP02	46	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	39	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM DUY QUANG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	44	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	51	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ VĂN HUNG	VSP02	49	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	48	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
14	BÙI NGUYỄN QUANG	VSP02	42	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO THANH HỢP	RC5	10	1	5	20	65	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI QUỐC VIỆT	RC5	15	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
17	VÕ QUỐC THÔNG	RC5	16-17	2	15		77	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ TIẾN DŨNG	RC5	11-12	2	19		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC NHAN	RC5	08-09	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN THANH SƠN	RC5	13-14	2	20		76	T-TIN	Vietnamese
21	BUI TRUNG SƠN	RC5	07	1	7		68	PSV	Vietnamese
22	VÕ ĐỨC NGHĨA	RC5	06	1	7		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	14	14	87	1.021	10	12		
2	RC5	8	12	88	577	20	10		
TOTAL		22	26	175	1.598	30	22		
WEIGHT KG				175	1.598	30			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: BK3 - RP1 - VSP02	CREW: CHIẾN - NPhú - Toan	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU TOÀN	BK3	29-30	2	10	18	65	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU TUYẾN	BK3	32-33	2	18		60	T-TIN	Vietnamese
3	VU BA NẾP	RP1	62	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG VU NHẬT VINH	RP1	69	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	RP1	63	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VĂN LIÊN	RP1	21	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG TÍN	RP1	65	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ VĂN ĐÔNG	RP1					71	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ HUY HOÀNG	RP1	64	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
11	TẶNG THANH DÂN	RP1	70	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	RP1	66-67	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	61	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN XUÂN THANH	RP1	71	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	68	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	74	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TRỌNG HIỆU	RP1	73	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG THANH	RP1				30	72	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	RP1	75-76	2	17		69	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	72	1	8		85	PSV	Vietnamese
21	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	55	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	56	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	2	4	28	125	18	0		
2	RP1	18	17	115	1.298	30	16		
3	VSP02	2	2	12	124	0	6		
TOTAL		22	23	155	1.547	48	22		
WEIGHT KG				155	1.547	48			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/07/2023	TO: RP3 - RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: RP3-RC	FROM: VT	CREW: KHOÀN - Dương - MQUÂN	ETA: 14:05
NAU-3			

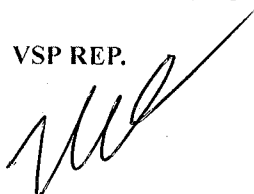
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN LAP	RP3					65	KHI	Vietnamese
2	PHAM MINH TOAN	RP3	57-58	2	15		58	YTE	Vietnamese
3	ĐINH QUANG THANH	RP3	52	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO DUC THANH	RP3	36	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG HAI HA	RP3	38	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG SOAI	RP3	43	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VIET HUNG	RP3	45-46	2	7		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TUNG	RP3	56	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HIEN	RP3	51	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUY HAI	RP3	37	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU MAU	RP3	41-42	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VO THANH LAM	RP3	59-60	2	18		61	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM DUY NHIEN	RP3	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM XUAN HOANG	RP3	53-54	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH HO	RP3	48	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LE CONG HUNG	RP3	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH BINH	RP3	55	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN TIEN	RP3	61	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
19	VU QUANG HUNG	RP3	49-50	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
20	KIM NHAT THANH	RP3	39-40	2	18		70	CODIEN	Vietnamese
21	ĐANG TIEN TOAN	RP3	47	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
22	VU DINH DAI	RCDM	89-90	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	27	184	1.481	0	15		
2	RC4	0	0	0	0	0	3		
3	RCDM	1	2	18	65	0	4		
TOTAL		22	29	202	1.546	0	22		
WEIGHT KG				202	1.546	0			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

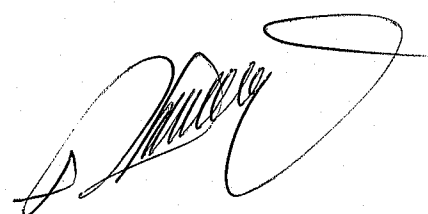
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: RC8-RF	TO: RC8 - RP3	CREW: CHIẾN - NPhú - Toan	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÀNH HAI	RC8	49-50	2	12		57	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN PHONG	RC8	59-60	2	18		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC TÚ	RC8	55-56	2	9	20	76	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG NHẬT THANH	RC8	51	1	10	13	76	KH-THAC	Vietnamese
5	LUƠNG TUẤN ANH	RC8	57	1	14		83	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN BA DIEN	RC8	53-54	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TẤT TÂM	RC8	58	1	5		53	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC HOAN	RC8	47-48	2	12		58	XLAP	Vietnamese
9	TRẦN PHÚ	RP3	97-98	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
10	PHẠM BÌNH NAM	RP3	33-34	2	14		63	KHI	Vietnamese
11	TẠ PHÍ KHÁNH	RP3				30	70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VŨ	RP3	96	1	10		72	KHI	Vietnamese
13	VŨ DUY PHƯƠNG	RP3	97	1	5		62	KHI	Vietnamese
14	LÊ HỮU ĐẠT	RP3	32	1	10		77	KHI	Vietnamese
15	VŨ PHÍ HỒ	RP3	30	1	10		87	KHI	Vietnamese
16	BUI QUANG SANG	RP3	29,99	2	9		58	KHI	Vietnamese
17	ĐỖ QUỐC PHONG	RP3	31	1	9		81	KHI	Vietnamese
18	HUYNH MINH SANG	RP3	18-19	2	12		80	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN BĂNG	RP3	95	1	10		85	KHI	Vietnamese
20	HOÀNG THAI LONG	RP3	20	1	7		57	PSV	Vietnamese
21	ĐOÀN TUẤN ANH	RP3	98	1	3		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC8	8	13	100	547	33	6		
2	RP3	13	16	114	924	30	16		
TOTAL		21	29	214	1.471	63	22		
WEIGHT KG				214	1.471	63			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/07/2023	TO: VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: KHOAN - <i>MMinh</i> MQUAN	ETA: 16:25
CAM-4			

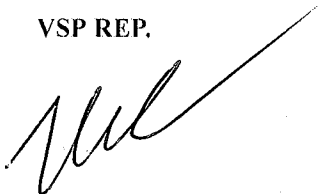
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUAN TIEN	VSP02	57	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	VU THAI SON	VSP02	88	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	HA MANH THANG	VSP02	94-95	2	9		50	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI HUY BINH	VSP02	91-92	2	20		75	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG TRUNG VIET	VSP02	59	1	12		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	89	1	16		68	KH-THAC	Vietnamese
7	VO TAN LINH	VSP02	90	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM HUU TRI	VSP02	86	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN DAT	VSP02	96-97	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN HUU KHANH	VSP02	60-61	2	16		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LU SON	VSP02	62-63	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TUNG DUONG	VSP02	65	1	8		57	ANTOAN	Vietnamese
13	VO XUAN TOAN	VSP02	98	1	4		84	PSV	Vietnamese
14	HA QUOC VINH	VSP02	93	1	5		68	PSV	Vietnamese
15	HOANG VAN TRUNG	VSP02	87	1	5		83	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HUONG	VSP02	64	1	5		58	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN THANH TE	VSP02	600	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	DOAN VAN DU	VSP02	99	1	8		65	PSV	Vietnamese
19	LE NGOC HUNG	VSP02	58	1	4		57	PSV	Vietnamese
20	DUONG VAN CHAU	VSP02	85	1	5		55	PSV	Vietnamese
21	PHAM HUU MINH	VSP02	66	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

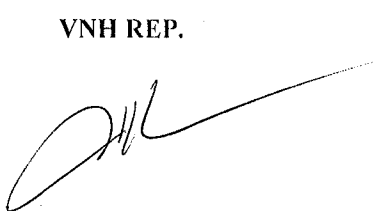
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	21	26	179	1.418	0	22		
	TOTAL	21	26	179	1.418	0	22		
	WEIGHT KG			179	1.418	0			

GRAND TOAL: 1.597 KGS

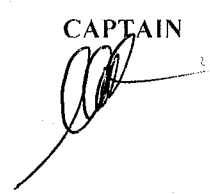
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P6+TD1+TTC2	7:25	9+5+8	0+0+0		2+10+10	0+0+0	chuyen 2 tđ1-ttc1
2		P8+BK19+PVD1	7:25	16+2+4	0+0+0		13+3+6	0+0+0	
3		BK6+TD5+P6	9:25	3+5+14	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
4		VSP01+BK14+CTC1	9:25	18+0+0	0+0+0		13+7+2	0+0+0	
5		P9+P8+P2	11:25	7+11+1	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
6		TGTH4+TGTH5+AMD	11:25	5+4+12	0+0+0		3+4+15	0+0+0	
7		T.UNG	11:25	17	0		18	0	
8		HST+AMD+TTC2	13:25	1+10+0	0+0+0		2+17+3	0+0+0	
9		VSP01+P10+BK6	13:25	12+8+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người bk8 về đi P2, đi về trong ngày 3 người bk6, 4 người P8



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P6 - TD1 - TTC2	CREW: CHIẾN - NPhú - QTrưởng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VĂN ĐỒNG	P6	02	1	7		90	YTE	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN THAI	P6	11	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH HOÀN	P6	08-09	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN TUNG	P6	04	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI TRỌNG BÌNH	P6	05-06	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VĂN HOÀN	P6	10	1	3	20	75	KH-THAC	Vietnamese
7	NINH QUỐC HỘI	P6	03	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG TIẾN DŨNG	P6	07	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG MINH	P6					80	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUANG HUY	P6	13	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TD1	11	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NHẬT THANH	TD1	08	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN KHƯƠNG	TD1	09	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TD1	07	1	6	10	75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD1	10	1	5		72	PSV	Vietnamese
16	ĐẠO ĐỨC THAI	TTC2	91-92	2	18		94	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ BÀ HÒA	TTC2	86	1	18		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU LONG	TTC2	87	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG BĂNG	TTC2	89-90	2	10	45	70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2	88	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯU VĂN AN	TTC2	85	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI VĂN TUÂN	TTC2					57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	10	11	78	765	20	3		CHUYEN 2 PAX TU TDI - TTC1
2	TD1	5	5	26	329	10	10	2	
3	TTC2	7	8	70	504	45	9		
TOTAL		22	24	174	1.598	75	22		
WEIGHT KG				174	1.598	75			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/07/2023	TO: P8 - BK19 - PVD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - MMinh - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

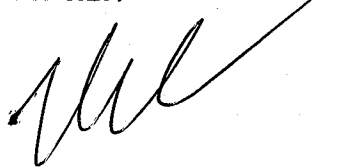
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	P8					69	CA BRVT	Vietnamese
2	CAO ĐĂNG ĐỒNG	P8					65	CA BRVT	Vietnamese
3	TRẦN VĂN QUÊ	P8	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	P8	13-14	2	16		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TRƯỜNG SA	P8					69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUÂN	P8					80	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN NGÔ HOÀN	P8	04-06	3	15		60	YTE	Vietnamese
8	PIAN THANH NAM	P8	09	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM MINH DƯƠNG	P8	08	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	10	1	6		117	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	07	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NHÂN	P8					60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU BAO	P8	900	1	13		89	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	P8	11	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO TIẾN ĐẠT	P8	01-02	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG NAM HAI	P8	03	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SAU	BK19	11	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH HUY	BK19	10	1	11		82	KH-THAC	Vietnamese
19	PHUNG HÀ TÀI	PVD1	41	1	7		108	KH-THAC	Vietnamese
20	HÀ XUÂN THANH	PVD1	44	1	4		108	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	PVD1	45	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG TRUNG ĐỨC	PVD1	42-43	2	10		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	16	15	102	1.211	0	13		
2	BK19	2	2	16	152	20	3		
3	PVD1	4	5	26	373	0	6		
TOTAL		22	22	144	1.736	20	22		
WEIGHT KG				144	1.736	20			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

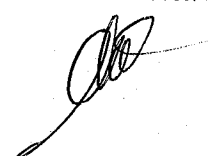
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: BK6 - TD5 - P6	CREW: CHIẾN - NPhú - QTrưởng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DƯƠNG PHÚC	BK6	39	1	3		62	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU VĂN	BK6				45	75	D-HANH	Vietnamese
3	HOÀNG MINH SƠN	BK6					77	ANTOAN	Vietnamese
4	CAO XUÂN VINH	TD5	85	1	16		80	PVDWS	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG MINH	TD5	86	1	14		73	PVDWS	Vietnamese
6	ĐINH CHÍ CÔNG	TD5	87	1	13	15	66	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD5	84	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG MINH TUẤN	TD5	89	1	13		81	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG THAI ANH	P6	34	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC QUÝ	P6	38	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO KIM SÂM	P6	36	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	HÀ DUY ĐỒNG	P6					90	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HUY THAI	P6	41	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐẠI THANH	P6	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ TRUNG TUẤN	P6	35	1	14		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN KHANH	P6	45	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỒNG GIANG	P6	43	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
18	PIATOV	P6	33	1	12		91	KH-THAC	Russian
19	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	P6	39-40	2	15		76	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC HUNG	P6	44	1	6		63	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG MẠNH	P6	32	1	6		82	PSV	Vietnamese
22	DANG THO TAM	P6	36	1	7		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

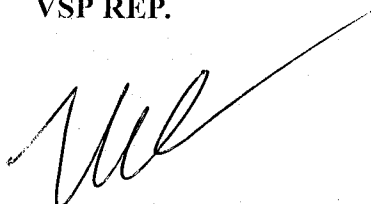
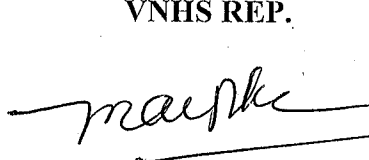
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	3	1	3	214	45	0		
2	TD5	5	5	61	381	15	2		
3	P6	14	14	91	1.027	0	20		
TOTAL		22	20	155	1.622	60	22		
WEIGHT KG				155	1.622	60			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/07/2023	TO: VSP01 - BK14 - CTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TUYỀN - MMinh - DTùng	ETA: 11:45
CAM-2			

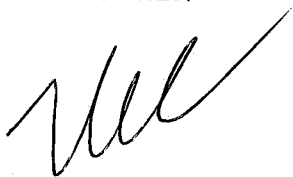
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRICHENKOV	VSP01	32	1	15		92	KH-THAC	Russian
2	BORVINSKY A.	VSP01	38	1	11		90	KH-THAC	Russian
3	TRUBOCHKIN A.	VSP01	27	1	8		82	KH-THAC	Russian
4	HUYNH KIM KHANH	VSP01	39	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HOANG THANH	VSP01	40	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HAI HA	VSP01	35-37	3	15		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	25-26	2	18		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NAM SINH	VSP01	33	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	31	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VĂN TRƯỜNG	VSP01	32	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRỊNH TIẾN BÌNH	VSP01	59	1	6		93	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN THUY	VSP01					65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT TÙNG	VSP01	29-30	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01	60	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN THANH LỢI	VSP01	28	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG PHÚC LƯƠNG	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC LAN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TÀI	BK14	06	1	15		71	XLAP	Vietnamese
20	ĐINH DỤC VƯƠNG	BK14	07-08	2	15		73	XLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	18	18	121	1.323	0	13		
2	BK14	2	3	30	144	0	7		
3	CTC1	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	21	151	1.467	0	22		
WEIGHT KG				151	1.467	0			

GRAND TOAL: 1.618 KGS

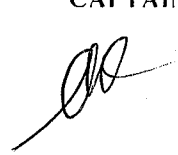
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	TO: P9 - P8 - P2	CREW: HUNG - N.ANH - Huy	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FOK S.I.	P9	18	1	7		124	KHOAN	Russian
2	LE HOANG THI	P9	23	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	VU TUAN ANH	P9	20	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	VO XUAN	P9	19	1	5		87	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NAM (KS)	P9	25	1	15		73	DVL	Vietnamese
6	PHAN VINH TRUONG	P9	24	1	12		68	DVL	Vietnamese
7	DANG DUC THUONG	P9	21-22	2	10		79	DVL	Vietnamese
8	LE QUY TOAN	P8	19-20	2	10	15	62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRI HUNG	P8	18	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI QUAN	P8	16	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LE QUANG THANG	P8	26	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HOANG GIANG	P8	17	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VINH DUNG	P8	23	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN QUANG HUY	P8	25	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
15	DAO NGUYEN HUNG	P8	22	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRUONG VAN TUNG	P8	24	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN KHIEM HIEU	P8	28	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG TRI NAM	P8	21	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG DUNG	P2	800	1	5	80	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	7	8	59	576	0	0		
2	P8	11	12	76	735	15	13		
3	P2	1	1	5	70	80	9		
TOTAL		19	21	140	1.381	95	22		
WEIGHT KG				140	1.381	95			

GRAND TOAL: 1.616 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

pilot cam du manifest

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/07/2023	TO: TGTH4 - TGTH5 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - Vũ	ETA: 14:05
VANG-3			

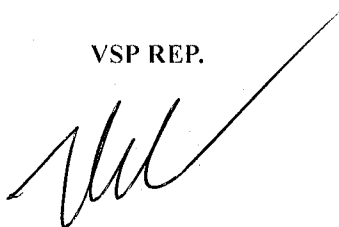
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO SY DUC	TGTH4	55-56	2	18		97	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN DUC NHA	TGTH4	53-54	2	14		55	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN TU	TGTH4	52	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH CU	TGTH4	57-58	2	20		57	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAO CONG BINH	TGTH4	59-60	2	20	40	68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUY LAM	TGTH5	31	1	10		66	HLJOC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	30	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DINH	TGTH5	32	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN KHANH	TGTH5	33-34	2	11		57	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DAI NGHIA	AMD	78	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
11	TRAN NAM TRUNG	AMD	74-75	2	9		75	HLJOC	Vietnamese
12	DO VAN THAO	AMD	72-73	2	10		67	HLJOC	Vietnamese
13	DUONG CHI PHONG	AMD	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐAO MINH TUAN	AMD	67	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ANH DUNG	AMD	68	1	3	10	70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN TRUNG KIEN	AMD	71	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN SAU	AMD	26	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOAN VAN THUONG	AMD	69	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN QUAN	AMD	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN THANH	AMD	77	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN LE HONG VU	AMD	76	1	7		60	HLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	5	9	82	336	40	3		
2	TGTH5	4	5	37	256	0	4		
3	AMD	12	14	69	848	10	15		
TOTAL		21	28	188	1.440	50	22		
WEIGHT KG				188	1.440	50			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:15
FLIGHT: 7	TO: T.UNG	CREW: ĐTrung - LTuấn	ETA: 14:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	T.UNG	06-07	2	14	80	85	CODIEN	Vietnamese
2	PHI DUY HOAN	T.UNG	12	1	10	17	76	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	24	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN BÁC	T.UNG	19	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG ANH MINH	T.UNG	21	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	20	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN MINH TÂM	T.UNG	25	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	14	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO DUY TỬ	T.UNG	23	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	09	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	22	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	16-17	2	14		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY DŨ	T.UNG	10-11	2	10		93	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG					64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	T.UNG	15	1	2		69	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ ĐẶNG THANH	T.UNG	08	1	4		67	PSV	Vietnamese
17	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	T.UNG	18	1	3		51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	19	99	1.198	97	18		
TOTAL		17	19	99	1.198	97	18		
WEIGHT KG				99	1.198	97			

GRAND TOTAL: 1.394 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 8	TO: HST - AMD - TTC2	CREW: HUNG - N.ANH - Huy	ETA: 16:20
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ TRUNG HIẾU	HST	05-06	2	13	70	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	82	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	87	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HUNG	AMD	91	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN QUANG	AMD	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HỮU ĐẶNG	AMD	89	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC LAI	AMD	92-93	2	7		74	KH-THAC	Vietnamese
8	LÀ NGỌC MẠNH	AMD	83	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN MINH HOÀI	AMD	81	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THUY	AMD	94	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG ĐÌNH VINH	AMD	84-86	3	15		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HUNG	AMD	90	1	4		80	PSV	Vietnamese
13	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	88	1	5		58	PSV	Vietnamese
14	LÊ PHƯƠNG	TTC2	96	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	1	2	13	70	70	2		
2	AMD	12	15	79	824	0	17		
3	TTC2	1	1	5	55	0	3		
TOTAL		14	18	97	949	70	22		
WEIGHT KG				97	949	70			

GRAND TOAL: 1.116 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2023	TO: VSP01 - P10 - BK6	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - Vũ	ETA: 16:25
cam-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH TUÂN	VSP01	51	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ QUANG THÀNH	VSP01	47-48	2	12		71	YTE	Vietnamese
3	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	42	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TÙNG	VSP01	41	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG MINH TÂM	VSP01	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TÂN SANG	VSP01	55	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THUỜNG HAI	VSP01	52-53	2	10		52	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TUYỀN	VSP01	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG NAM	VSP01	44-46	3	20		86	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	43	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THANH HÀ	VSP01	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN THĂNG	P10	26	1	10		67	DUNG QUA	Vietnamese
13	BAN VƯỜN PHIN	P10	90-91	2	17		62	DUNG QUA	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	P10	25	1	10	60	72	DUNG QUA	Vietnamese
15	NGÔ VĂN NGHĨA	P10				25	54	DUNG QUA	Vietnamese
16	LÊ THANH SƠN	P10	22-23	2	15		84	DUNG QUA	Vietnamese
17	ĐO HỮU DỤNG	P10	93	1	5		74	DUNG QUA	Vietnamese
18	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	24	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	11	15	88	769	0	15		
2	P10	7	8	62	478	85	4		
3	BK6	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		18	23	150	1.247	85	22		
WEIGHT KG				150	1.247	85			

GRAND TOAL: 1.482 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN